

Danh sách thi

Đề học phần : Âm nhạc

Mã học phần :

EDU31001

Số TC : 3

Danh sách thi : EDU31001_20062025_1_1

Thi tại phòng học :

D1_401

Ngày thi : 20/06/2025 Hình thức thi : Thực hành

Ca thi : 1 (07:00-09:00)

Phòng số : 1

TT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Điểm	Ký tên	Ghi chú
1	1	245714020130182	NGUYỄN THỊ HỒNG	ANH	65A4-Giáo dục Mầm non	80	<i>Tam</i>	Nợ: số tiền 56.000
2	2	235714020130009	ỐC THỊ TÂM	ANH	64A1-Giáo dục Mầm non	75	<i>Bang</i>	Nợ: số tiền 56.000
3	3	235714020130137	PHAN THỊ NGỌC	ANH	64A3-Giáo dục Mầm non	85	<i>Tam</i>	Nợ: số tiền 56.000
4	4	235714020130019	VI NGỌC	ANH	64A1-Giáo dục Mầm non	75	<i>Bang</i>	
5	5	235714020130111	HOÀNG LÊ PHƯƠNG	DUNG	64A2-Giáo dục Mầm non	50	<i>Nam</i>	Nợ: số tiền 55.900
6	6	235714020130108	LÊ THỊ	ĐÀO	64A2-Giáo dục Mầm non	85	<i>Tam</i>	
7	7	235714020130027	HỒ THỊ TRÀ	GIANG	64A1-Giáo dục Mầm non	80	<i>Tam</i>	
8	8	235714020130083	NGUYỄN THỊ MỸ	HẠNH	64A2-Giáo dục Mầm non	85	<i>Tam</i>	
9	9	235714020130077	HOÀNG THỊ	HẰNG	64A2-Giáo dục Mầm non	70	<i>Bang</i>	Nợ: số tiền 55.300
10	10	235714020130154	HỒ THỊ	HẰNG	64A3-Giáo dục Mầm non	75	<i>Bang</i>	
11	11	215714020110204	PHẠM THU	HẰNG	62A4-Giáo dục Mầm non	55	<i>Nam</i>	Nợ: số tiền 49.805
12	12	235714020130050	LÊ THỊ THU	HIỀN	64A1-Giáo dục Mầm non	55	<i>Nam</i>	Nợ: số tiền 49.200
13	13	235714020130099	VI THỊ HẢO	HIỀN	64A2-Giáo dục Mầm non	50	<i>Nam</i>	Nợ: số tiền 56.000
14	14	235714020130043	HOÀNG THỊ THU	HÒA	64A1-Giáo dục Mầm non	50	<i>Nam</i>	Nợ: số tiền 55.520
15	15	235714020130028	TRẦN THỊ THU	HOÀI	64A1-Giáo dục Mầm non	75	<i>Bang</i>	Nợ: số tiền 36.000
16	16	235714020130117	HÀ THỊ	HOAN	64A2-Giáo dục Mầm non	70	<i>Bang</i>	Nợ: số tiền 36.000
17	17	235714020130144	PHẠM THỊ KHÁNH	HUYỀN	64A3-Giáo dục Mầm non	85	<i>Tam</i>	Nợ: số tiền 55.300
18	18	235714020130076	HOA THỊ	KHUYỀN	64A2-Giáo dục Mầm non	55	<i>Nam</i>	Nợ: số tiền 56.000
19	19	235714020130070	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	64A2-Giáo dục Mầm non	50	<i>Nam</i>	Nợ: số tiền 36.520
20	20	235714020130118	QUANG THỊ DIỆU	LINH	64A2-Giáo dục Mầm non	55	<i>Nam</i>	Nợ: số tiền 46.900
21	21	235714020130086	SẢM THỊ DIỆU	LINH	64A2-Giáo dục Mầm non	70	<i>Bang</i>	Nợ: số tiền 50.520
22	22	235714020130067	TRƯƠNG THỊ XUÂN MAI	LINH	64A2-Giáo dục Mầm non	80	<i>Tam</i>	

Tổng số sinh viên dự thi :

Họ tên và chữ ký CBCT thứ nhất:

Quat
Vũ Trọng Linh

Họ tên và chữ ký CBCT thứ hai:

ha
Phan Văn Hòa

Danh sách thi

Môn học phần : Âm nhạc Mã học phần : EDU31001 Số TC : 3
 Danh sách thi : EDU31001_20062025_1_2 Thi tại phòng học : D1_402
 Ngày thi : 20/06/2025 Hình thức thi : Thực hành Ca thi : 1 (07:00-09:00) Phòng số : 2

TT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Điểm	Ký tên	Ghi chú	
1	23	235714020130010	VIÊNG THỊ NHẬT	LINH	64A1-Giáo dục Mầm non	55	Năm rưỡi	Linh	
2	24	235714020130061	HOÀNG THỊ KHÁNH	LY	64A2-Giáo dục Mầm non	70	Bảy rưỡi	Ly	Nợ: số tiền 35.820
3	25	235714020130034	MẠC THỊ CẨM	LY	64A1-Giáo dục Mầm non	80	Tám	Ly	Nợ: số tiền 56.000
4	26	235714020130124	NGUYỄN THỊ THẢO	LY	64A3-Giáo dục Mầm non	80	Tám	Ly	
5	27	235714020130103	NGUYỄN TRÀ	MY	64A2-Giáo dục Mầm non	75	Bảy rưỡi	My	Nợ: số tiền 55.300
6	28	235714020130060	NGUYỄN THỊ THẢO	NA	64A2-Giáo dục Mầm non	80	Tám	Na	Nợ: số tiền 53.920
7	29	235714020130093	NGUYỄN THỊ THU	NGA	64A2-Giáo dục Mầm non	65	Sáu rưỡi	Nga	Nợ: số tiền 41.920
8	30	235714020130016	TRẦN THỊ HÀNG	NGA	64A1-Giáo dục Mầm non	55	Năm rưỡi	Hàng	
9	31	235714020130153	NGUYỄN LÊ TUYẾT	NGÂN	64A3-Giáo dục Mầm non	55	Năm rưỡi	Ngân	
10	32	235714020130054	LÊ THẢO	NGUYỄN	64A1-Giáo dục Mầm non	75	Bảy rưỡi	Nguyễn	Nợ: số tiền 50.520
11	33	235714020130129	VI THỊ TÚ	NHIÊN	64A3-Giáo dục Mầm non	70	Bảy	Nhiên	
12	34	235714020130092	NGUYỄN THỊ DIỄM	QUỲNH	64A2-Giáo dục Mầm non	65	Sáu rưỡi	Quỳnh	
13	35	235714020130163	NGUYỄN THỊ NHƯ	QUỲNH	64A3-Giáo dục Mầm non	90	Chín	Quỳnh	
14	36	235714020130147	THÁI THỊ THANH	THẢO	64A3-Giáo dục Mầm non	55	Năm rưỡi	Thảo	Nợ: số tiền 41.920
15	37	235714020130136	ĐẶNG THỊ	THỦY	64A3-Giáo dục Mầm non	45	Bốn rưỡi	Thủy	Nợ: số tiền 56.000
16	38	235714020130044	LÊ THỊ	THƯƠNG	64A1-Giáo dục Mầm non	50	Năm	Thương	Nợ: số tiền 54.920
17	39	235714020130169	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRANG	64A3-Giáo dục Mầm non	80	Tám	Trang	
18	40	235714020130160	TRẦN THỊ	TRƯỜNG	64A3-Giáo dục Mầm non	85	Tám rưỡi	Trường	
19	41	235714020130003	NGUYỄN THỊ TỎ	UYÊN	64A1-Giáo dục Mầm non	85	Tám rưỡi	Uyên	
20	42	235714020130170	TRẦN THỊ	VÂN	64A3-Giáo dục Mầm non	65	Sáu rưỡi	Vân	
21	43	235714020130037	DINH NGUYỄN NGỌC	VY	64A1-Giáo dục Mầm non	75	Bảy rưỡi	Vy	Nợ: số tiền 56.000

Tổng số sinh viên dự thi :
 Họ tên và chữ ký CBCT thứ nhất:

[Chữ ký]
 Vi Trung Việt

Họ tên và chữ ký CBCT thứ hai:

[Chữ ký]
 Phạm Thị Huệ

Danh sách thi

Mã học phần : **Âm nhạc** Mã học phần : **EDU31001** Số TC : **3**
 Mã danh sách thi : **EDU31001_20062025_2_1** Thi tại phòng học : **D1_401**
 Ngày thi : **20/06/2025** Hình thức thi : **Thực hành** Ca thi : **2** (09:20-11:10) Phòng số : **1**

SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Điểm	Ký tên	Ghi chú
44	235714020130032	ĐÀO THỊ	ANH	64A1-Giáo dục Mầm non	65	Sưu riết	
45	235714020130081	NGUYỄN THỊ LAN	ANH	64A2-Giáo dục Mầm non	80	Tam	Nợ: số tiền 55.000
46	235714020130048	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	ANH	64A1-Giáo dục Mầm non	70	Bany	
47	235714020130157	THÁI THỊ NGỌC	ANH	64A3-Giáo dục Mầm non	60	Sưu riết	Nợ: số tiền 54.920
48	235714020130007	TRẦN THỊ PHƯƠNG	ANH	64A1-Giáo dục Mầm non	55	Sưu riết	Nợ: số tiền 55.520
49	235714020130097	NGUYỄN THỊ HÒA	BÌNH	64A2-Giáo dục Mầm non	80	Tam	
50	235714020130090	VI THỊ HÀ	CHÂU	64A2-Giáo dục Mầm non	65	Sưu riết	Nợ: số tiền 21.900
51	235714020130106	LÊ THỊ KIM	CHI	64A2-Giáo dục Mầm non	80	Tam	
52	235714020130133	NGUYỄN THỊ	CHUNG	64A3-Giáo dục Mầm non	70	Bany	Nợ: số tiền 55.990
53	235714020130096	ĐẶNG THỊ	GIANG	64A2-Giáo dục Mầm non	75	Bany	
54	235714020130041	VŨ THỊ	GIANG	64A1-Giáo dục Mầm non	85	Sưu riết	Nợ: số tiền 55.920
55	235714020130151	HỒ THỊ MỸ	HÀ	64A3-Giáo dục Mầm non	65	Sưu riết	Nợ: số tiền 56.000
56	235714020130158	LỖ THỊ NGÂN	HÀ	64A3-Giáo dục Mầm non	60	Sưu riết	Nợ: số tiền 36.000
57	235714020130031	TRƯƠNG VIỆT	HẰNG	64A1-Giáo dục Mầm non	70	Bany	Nợ: số tiền 56.000
58	235714020130121	LỖ THỊ THU	HIỀN	64A3-Giáo dục Mầm non	85	Sưu riết	Nợ: số tiền 56.000
59	235714020130014	LÊ THỊ	HOA	64A1-Giáo dục Mầm non	70	Bany	Nợ: số tiền 56.000
60	235714020130087	NGUYỄN THỊ	HOA	64A2-Giáo dục Mầm non	60	Sưu riết	Nợ: số tiền 56.000
61	235714020130112	HỒ THỊ	HUYỀN	64A2-Giáo dục Mầm non	80	Tam	
62	235714020130130	NGUYỄN THỊ KHÁNH	HUYỀN	64A3-Giáo dục Mầm non	75	Bany	Nợ: số tiền 54.920
63	235714020130173	TRẦN THỊ THU	HUYỀN	64A3-Giáo dục Mầm non	55	Sưu riết	
64	235714020130058	NGÔ THỊ	HƯƠNG	64A1-Giáo dục Mầm non	70	Bany	

Tổng số sinh viên dự thi :
 Họ tên và chữ ký CBCT thứ nhất:

Chữ ký
 Võ Trung Việt

Họ tên và chữ ký CBCT thứ hai:

Chữ ký
 Phan Thị Ngọc Hà

Danh sách thi

Môn học phần : Âm nhạc Mã học phần : EDU31001 Số TC : 3
 Danh sách thi : EDU31001_20062025_2_2 Thi tại phòng học : D1_402
 Ngày thi : 20/06/2025 Hình thức thi : Thực hành Ca thi : 2 (09:20-11:10) Phòng số : 2

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Điểm	Ký tên	Ghi chú
1	65	235714020130164	NGUYỄN THANH	HƯƠNG	64A3-Giáo dục Mầm non	60	Hương	Nợ: số tiền 53.720
2	66	235714020130174	VI THỊ THU	HƯƠNG	64A3-Giáo dục Mầm non	85	Hương	Nợ: số tiền 51.900
3	67	235714020130021	NGUYỄN THỊ	LAN	64A1-Giáo dục Mầm non	55	Lan	Nợ: số tiền 55.520
4	68	235714020130047	KIM THỊ MỸ	LÊ	64A1-Giáo dục Mầm non	80	Lê	Nợ: số tiền 56.000
5	69	235714020130074	TRẦN THỊ CHI	LÊ	64A2-Giáo dục Mầm non	70	Lê	Nợ: số tiền 56.000
6	70	235714020130055	NGUYỄN THỊ DIỆU	LINH	64A1-Giáo dục Mầm non	60	Linh	Nợ: số tiền 51.020
7	71	235714020130025	LƯƠNG THUY	MIỀN	64A1-Giáo dục Mầm non	80	Miền	Nợ: số tiền 56.000
8	72	235714020130065	NGUYỄN THỊ TRÀ	MY	64A2-Giáo dục Mầm non	65	My	Nợ: số tiền 56.000
9	73	235714020130122	NGUYỄN THẢO	NGUYỄN	64A3-Giáo dục Mầm non	90	T. Nguyễn	
10	74	235714020130115	PHÙNG THỊ ANH	NGUYỆT	64A2-Giáo dục Mầm non	80	Nguyệt	
11	75	235714020130071	TRẦN THỊ YẾN	NHI	64A2-Giáo dục Mầm non	60	Nhi	Nợ: số tiền 54.520
12	76	235714020130167	LÊ THỊ MAI	PHƯƠNG	64A3-Giáo dục Mầm non	45	Phượng	Nợ: số tiền 55.520
13	77	235714020130013	NGUYỄN THỊ	QUYÊN	64A1-Giáo dục Mầm non	65	Quyên	Nợ: số tiền 54.920
14	78	235714020130105	VI THỊ NGỌC	QUỲNH	64A2-Giáo dục Mầm non	50	Quỳnh	
15	79	235714020130004	PHAN THỊ PHƯƠNG	THẢO	64A1-Giáo dục Mầm non	80	Thảo	Nợ: số tiền 54.280
16	80	235714020130064	NGUYỄN ANH	THƠ	64A2-Giáo dục Mầm non	80	Thơ	Nợ: số tiền 54.400
17	81	235714020130148	LŨ THỊ KIM	THUY	64A3-Giáo dục Mầm non	70	Thuy	Nợ: số tiền 56.000
18	82	235714020130080	NGÔ THỊ MỸ	THƯƠNG	64A2-Giáo dục Mầm non	80	Thương	Nợ: số tiền 54.920
19	83	235714020130058	NGUYỄN THỊ HOÀI	THƯƠNG	64A1-Giáo dục Mầm non	80	Thương	Nợ: số tiền 45.596
20	84	235714020130142	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRANG	64A3-Giáo dục Mầm non	80	Trang	
21	85	235714020130141	NGUYỄN THỊ NHƯ	Ý	64A3-Giáo dục Mầm non	65	N. Ý	

Tổng số sinh viên dự thi :
 Họ tên và chữ ký CBCT thứ nhất:

[Chữ ký]
 Vũ Hưng Việt

Họ tên và chữ ký CBCT thứ hai:

[Chữ ký]
 Phan Huy Hà

Danh sách thi

Mã học phần : Âm nhạc Mã học phần : EDU31001 Số TC : 3
 Danh sách thi : EDU31001_20062025_3_1 Thi tại phòng học : D1_401
 Ngày thi : 20/06/2025 Hình thức thi : Thực hành Ca thi : 3 (13:30-15:30) Phòng số : 1

SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Điểm	Ký tên	Ghi chú	
1	86	235714020130168	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	64A3-Giáo dục Mầm non	8,5	Tâm niên	Anh	Nợ: số tiền 54.815
2	87	235714020130152	VƯƠNG THỊ THUY ANH	64A3-Giáo dục Mầm non	8,5	Tâm niên	Anh	Nợ: số tiền 56.000
3	88	235714020130128	LŨ THỊ ANH BĂNG	64A3-Giáo dục Mầm non	7,5	Bảng niên	Băng	Nợ: số tiền 56.000
4	89	235714020130008	ĐẶNG THỊ LINH CHI	64A1-Giáo dục Mầm non	7,0	Bảng	Chi	Nợ: số tiền 52.920
5	90	235714020130026	VI THỊ DIJU	64A1-Giáo dục Mầm non	5,0	hợp	Diu	Nợ: số tiền 56.000
6	91	235714020130001	NGUYỄN THỊ HÀ	64A1-Giáo dục Mầm non	7,0	Bảng	Hà	Nợ: số tiền 55.520
7	92	235714020130051	NGUYỄN HỒNG HẠNH	64A1-Giáo dục Mầm non	9,0	Chăm	Hanh	
8	93	235714020130146	TRẦN THỊ HẰNG	64A3-Giáo dục Mầm non	6,0	Sau	Hàng	
9	94	235714020130162	NGUYỄN BẢO HÂN	64A3-Giáo dục Mầm non	6,5	Sau niên	Hân	Nợ: số tiền 52.000
10	95	235714020130042	ĐÀO THỊ MINH HUYỀN	64A1-Giáo dục Mầm non	5,0	hợp	Huyền	
11	96	235714020130110	NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	64A2-Giáo dục Mầm non	7,0	Bảng	Huyền	
12	97	235714020130062	NGUYỄN THỊ LAN	64A2-Giáo dục Mầm non	6,5	Sau niên	Lan	Nợ: số tiền 56.000
13	98	235714020130102	PHẠM THỊ LÂN	64A2-Giáo dục Mầm non	6,5	Sau niên	Lân	
14	99	235714020130035	HOÀNG THỊ THUY LINH	64A1-Giáo dục Mầm non	8,5	Tâm niên	Linh	Nợ: số tiền 54.920
15	100	235714020130017	LÊ THỊ THUY LINH	64A1-Giáo dục Mầm non	8,5	Tâm niên	Linh	Nợ: số tiền 55.520
16	101	235714020130155	TRẦN THỊ DIỆU LINH	64A3-Giáo dục Mầm non	5,0	hợp	Linh	
17	102	235714020130126	TRẦN THỊ THẢO LINH	64A3-Giáo dục Mầm non	6,0	Sau	Linh	
18	103	235714020130002	TRẦN THUY LINH	64A1-Giáo dục Mầm non	6,5	Sau niên	Linh	Nợ: số tiền 54.920
19	104	235714020130119	TRẦN THỊ LỘC	64A3-Giáo dục Mầm non	7,5	Bảng niên	Lộc	
20	105	235714020130078	LÊ KHÁNH LY	64A2-Giáo dục Mầm non	5,0	hợp	Ly	Nợ: số tiền 45.920
21	106	235714020130091	VÕ THỊ NGỌC MAI	64A2-Giáo dục Mầm non	5,0	hợp	Mai	Nợ: số tiền 56.000

Tổng số sinh viên dự thi :
 Họ tên và chữ ký CBCT thứ nhất:

Vi Hong Anh

Họ tên và chữ ký CBCT thứ hai:

Phạm Hằng Kh

Danh sách thi

Môn học phần : Âm nhạc Mã học phần : EDU31001 Số TC : 3
 Danh sách thi : EDU31001_20062025_3_2 Thi tại phòng học : D1_402
 Ngày thi : 20/06/2025 Hình thức thi : Thực hành Ca thi : 3 (13:30-15:30) Phòng số : 2

TT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Điểm	Ký tên	Ghi chú
1	107	235714020130085	VÕ THỊ HỒNG	MINH	64A2-Giáo dục Mầm non	50	Như	Nợ: số tiền 50.400
2	108	235714020130134	DOÀN THỊ TRÀ	MY	64A3-Giáo dục Mầm non	55	Như	Nợ: số tiền 56.000
3	109	235714020130100	VI THỊ THẢO	MY	64A2-Giáo dục Mầm non	85	Như	Nợ: số tiền 36.000
4	110	235714020130145	TRẦN THỊ MAI	NA	64A3-Giáo dục Mầm non	75	Như	Nợ: số tiền 56.000
5	111	235714020130029	HUỲNH THỊ	NGA	64A1-Giáo dục Mầm non	65	Như	
6	112	235714020130059	PHẠM THỊ	NGỌC	64A1-Giáo dục Mầm non	75	Như	
7	113	235714020130011	LƯƠNG THỊ DƯƠNG	NGUYỆT	64A1-Giáo dục Mầm non	45	Như	Nợ: số tiền 51.000
8	114	235714020130084	CHU THỊ	NHI	64A2-Giáo dục Mầm non	50	Như	Nợ: số tiền 52.000
9	115	235714020130161	TRẦN NGUYỄN YÊN	NHI	64A3-Giáo dục Mầm non	45	Như	Nợ: số tiền 56.000
10	116	235714020130018	NGUYỄN THỊ KIỀU	OANH	64A1-Giáo dục Mầm non	85	Như	Nợ: số tiền 51.920
11	117	235714020130138	DUY NHƯ	QUỲNH	64A3-Giáo dục Mầm non	75	Như	
12	118	235714020130068	NGUYỄN THỊ	TÂM	64A2-Giáo dục Mầm non	55	Như	Nợ: số tiền 56.000
13	119	235714020130109	HỒ THỊ	THÀNH	64A2-Giáo dục Mầm non	65	Như	Nợ: số tiền 56.000
14	120	235714020130069	HOÀNG THỊ THANH	THẢO	64A2-Giáo dục Mầm non	65	Như	Nợ: số tiền 56.000
15	121	235714020130036	LÊ THỊ PHƯƠNG	THẢO	64A1-Giáo dục Mầm non	65	Như	
16	122	235714020130094	HỒ THỊ HOÀNG	THƯƠNG	64A2-Giáo dục Mầm non	80	Như	
17	123	235714020130116	PHAN THỊ	THƯƠNG	64A2-Giáo dục Mầm non	80	Như	
18	124	235714020130052	TRẦN THỊ THU	TRÀ	64A1-Giáo dục Mầm non	75	Như	
19	125	235714020130075	CHU HÀ	TRANG	64A2-Giáo dục Mầm non	75	Như	Nợ: số tiền 41.900
20	126	235714020130045	NGUYỄN HÀ	TRANG	64A1-Giáo dục Mầm non	80	Như	Nợ: số tiền 56.000
21	127	235714020130171	HÀ NGỌC	VÂN	64A3-Giáo dục Mầm non	55	Như	Nợ: số tiền 56.000

Tổng số sinh viên dự thi :
 Họ tên và chữ ký CBCT thứ nhất:

[Chữ ký]
 Vũ Trung Việt

Họ tên và chữ ký CBCT thứ hai:

[Chữ ký]
 Phan Thị Kỳ

Danh sách thi

Môn học phần : Âm nhạc Mã học phần : EDU31001 Số TC : 3
 Danh sách thi : EDU31001_20062025_4_1 Thi tại phòng học : D1_401
 Ngày thi : 20/06/2025 Hình thức thi : Thực hành Ca thi : 4 (15:40-17:40) Phòng số : 1

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Điểm	Ký tên	Ghi chú
1	128	235714020130012	MAI THỊ NHƯ	AN	64A1-Giáo dục Mầm non	8,5 Tam	An	Nợ: số tiền 53.920
2	129	235714020130114	NGUYỄN THỊ THÚY	AN	64A2-Giáo dục Mầm non	6,0 Sơn	An	Nợ: số tiền 55.520
3	130	235714020130073	LÊ THỊ NGỌC	ÁNH	64A2-Giáo dục Mầm non	6,0 Sơn	Anh	Nợ: số tiền 55.300
4	131	235714020130015	NGUYỄN THỊ QUỲNH	ÁNH	64A1-Giáo dục Mầm non	6,0 Sơn	Anh	Nợ: số tiền 51.920
5	132	235714020130079	PHÙNG THỊ VÂN	ÁNH	64A2-Giáo dục Mầm non	8,5 Tam	Anh	Nợ: số tiền 55.900
6	133	235714020130006	THÁI VIỆT	ÁNH	64A1-Giáo dục Mầm non	6,5 Sơn	Anh	Nợ: số tiền 54.920
7	134	235714020130098	TRẦN THỊ HỒNG	ÁNH	64A2-Giáo dục Mầm non	7,5 Sơn	Anh	Nợ: số tiền 56.000
8	135	235714020130165	TRẦN THỊ QUỲNH	ÁNH	64A3-Giáo dục Mầm non	7,0 Sơn	Anh	Nợ: số tiền 56.000
9	136	235714020130159	DƯƠNG THỊ TÚ	CHI	64A3-Giáo dục Mầm non	8,0 Tam	Chi	Nợ: số tiền 39.920
10	137	235714020130131	VI THỊ	HÀ	64A3-Giáo dục Mầm non	8,0 Tam	Hà	
11	138	235714020130095	PHẠM THỊ	HẢI	64A2-Giáo dục Mầm non	8,5 Tam	Hải	
12	139	235714020130123	NGUYỄN THỊ	HOA	64A3-Giáo dục Mầm non	8,5 Tam	Hoa	Nợ: số tiền 55.520
13	140	235714020130005	PHAN THỊ	HOÀI	64A1-Giáo dục Mầm non	6,5 Sơn	Hoài	Nợ: số tiền 55.920
14	141	235714020130156	LÊ THỊ THANH	HUYỀN	64A3-Giáo dục Mầm non	5,5 Năm	Huyền	Nợ: số tiền 56.000
15	142	235714020130063	LÔ THỊ	HUYỀN	64A2-Giáo dục Mầm non	5,5 Năm	Huyền	Nợ: số tiền 56.000
16	143	235714020130040	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	64A1-Giáo dục Mầm non	8,5 Tam	Huyền	Nợ: số tiền 15.920
17	144	235714020130113	NGUYỄN THỊ KHÁNH	HUYỀN	64A2-Giáo dục Mầm non	8,0 Tam	Huyền	Nợ: số tiền 10.920
18	145	235714020130024	LÊ THỊ THẢO	LINH	64A1-Giáo dục Mầm non	6,0 Sơn	Linh	Nợ: số tiền 50.880
19	146	235714020130022	NGÔ THỊ KHÁNH	LINH	64A1-Giáo dục Mầm non	8,5 Tam	Linh	
20	147	235714020130143	NGUYỄN THỊ KHÁNH	LINH	64A3-Giáo dục Mầm non	8,5 Tam	Linh	Nợ: số tiền 36.000
21	148	235714020130066	LƯƠNG THỊ CẨM	LY	64A2-Giáo dục Mầm non	7,5 Sơn	Ly	

Tổng số sinh viên dự thi :
 Họ tên và chữ ký CBCT thứ nhất:

[Chữ ký]
 Võ Hồng Việt

Họ tên và chữ ký CBCT thứ hai:

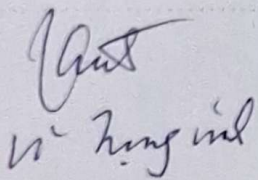
[Chữ ký]
 Phan Huy Hò

Danh sách thi

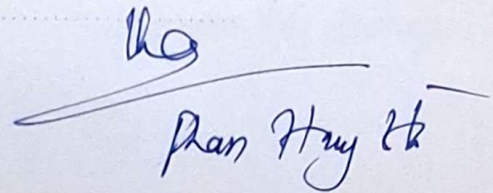
Môn học phần : Âm nhạc Mã học phần : EDU31001 Số TC : 3
 Danh sách thi : EDU31001_20062025_4_2 Thị tại phòng học : D1_402
 Ngày thi : 20/06/2025 Hình thức thi : Thực hành Ca thi : 4 (15:40-17:40) Phòng số : 2

TT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Điểm	Ký tên	Ghi chú
1	149	235714020130049	NGUYỄN THỊ LÊ	NA	64A1-Giáo dục Mầm non	90	Chim	Nợ: số tiền 51.860
2	150	235714020130166	VI THỊ LÊ	NA	64A3-Giáo dục Mầm non	75	Bông sen	
3	151	215714020110076	NGUYỄN THỊ HIỆU	NGÂN	62A4-Giáo dục Mầm non	85	Tam son	
4	152	235714020130120	NGUYỄN BẢO	NGỌC	64A3-Giáo dục Mầm non	85	Tam son	
5	153	235714020130057	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	64A1-Giáo dục Mầm non	70	Bông	Nợ: số tiền 54.920
6	154	235714020130150	ĐÀO THỊ KIM	OANH	64A3-Giáo dục Mầm non	60	Sơn	Nợ: số tiền 56.000
7	155	235714020130140	LÊ THỊ NGỌC	OANH	64A3-Giáo dục Mầm non	65	Sơn son	Nợ: số tiền 55.520
8	156	235714020130039	LÊ THỊ ANH	PHƯƠNG	64A1-Giáo dục Mầm non	70	Bông	Nợ: số tiền 56.000
9	157	235714020130088	LỖ Y	SÀU	64A2-Giáo dục Mầm non	60	Sơn	Nợ: số tiền 56.000
10	158	235714020130046	NGUYỄN THỊ THANH	TÂM	64A1-Giáo dục Mầm non	60	Sơn	Nợ: số tiền 55.920
11	159	235714020130149	PHẠM THỊ PHƯƠNG	THẢO	64A3-Giáo dục Mầm non	50	Nam	Nợ: số tiền 54.920
12	160	235714020130107	NGUYỄN THỊ	THẨM	64A2-Giáo dục Mầm non	50	Nam	Nợ: số tiền 55.920
13	161	235714020130175	NGUYỄN THỊ	THỊNH	64A3-Giáo dục Mầm non	75	Bông sen	
14	162	235714020130172	LÊ THỊ NGỌC	THÚY	64A3-Giáo dục Mầm non	✓		Nợ: số tiền 56.000
15	163	235714020130056	NGUYỄN THỊ	THÚY	64A1-Giáo dục Mầm non	85	Tam son	Nợ: số tiền 54.920
16	164	235714020130132	VŨ MAI	THÚY	64A3-Giáo dục Mầm non	50	Nam	Nợ: số tiền 56.000
17	165	235714020130033	TRỊNH THỊ	THƯƠNG	64A1-Giáo dục Mầm non	90	Chim	
18	166	235714020130089	DÊNH THUY	TRANG	64A2-Giáo dục Mầm non	60	Sơn	Nợ: số tiền 56.000
19	167	235714020130030	ĐẬU THỊ QUỲNH	TRANG	64A1-Giáo dục Mầm non	70	Sơn	Nợ: số tiền 54.920
20	168	235714020130082	TRƯƠNG THỊ TÚ	UYÊN	64A2-Giáo dục Mầm non	75	Bông sen	
21	169	235714020130072	NGÔ THỊ THẢO	VÂN	64A2-Giáo dục Mầm non	80	Tam son	

Tổng số sinh viên dự thi :
 Họ tên và chữ ký CBCT thứ nhất:



Họ tên và chữ ký CBCT thứ hai:



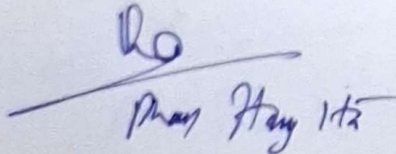
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
TT KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM THEO DANH SÁCH THI
EDU31001_20062025_1_1
Học kỳ 2.1 Năm học 2024-2025

Môn: Âm nhạc
Số tín chỉ: 3

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Lần học	Số báo danh	Điểm	Ghi chú
1	245714020130182	NGUYỄN THỊ HỒNG ANH	CQK65.71402014	1	1	8,00	
2	235714020130009	ỐC THỊ TÂM ANH	CQK64.71402012	1	2	7,50	
3	235714020130137	PHAN THỊ NGỌC ANH	CQK64.71402014	1	3	8,50	
4	235714020130019	VI NGỌC ANH	CQK64.71402012	1	4	7,50	
5	235714020130111	HOÀNG LÊ PHƯƠNG DUNG	CQK64.71402013	1	5	5,00	
6	235714020130108	LÊ THỊ ĐÀO	CQK64.71402013	1	6	8,50	
7	235714020130027	HỒ THỊ TRÀ GIANG	CQK64.71402012	1	7	8,00	
8	235714020130083	NGUYỄN THỊ MỸ HANH	CQK64.71402013	1	8	8,50	
9	235714020130077	HOÀNG THỊ HÀNG	CQK64.71402013	1	9	7,00	
10	235714020130154	HỒ THỊ HÀNG	CQK64.71402014	1	10	7,50	
11	215714020110204	PHẠM THU HÀNG	CQK62.71402015	1	11	5,50	
12	235714020130050	LÊ THỊ THU HIỀN	CQK64.71402012	1	12	5,50	
13	235714020130099	VI THỊ HẢO HIỀN	CQK64.71402013	1	13	5,00	
14	235714020130043	HOÀNG THỊ THU HÒA	CQK64.71402012	1	14	5,00	
15	235714020130028	TRẦN THỊ THU HOÀI	CQK64.71402012	1	15	7,50	
16	235714020130117	HÀ THỊ HOAN	CQK64.71402013	1	16	7,00	
17	235714020130144	PHẠM THỊ KHÁNH HUYỀN	CQK64.71402014	1	17	8,50	
18	235714020130076	HOA THỊ KHUYẾN	CQK64.71402013	1	18	5,50	
19	235714020130070	NGUYỄN THỊ THUY LINH	CQK64.71402013	1	19	5,00	
20	235714020130118	QUANG THỊ DIỆU LINH	CQK64.71402013	1	20	5,50	
21	235714020130086	SÂM THỊ DIỆU LINH	CQK64.71402013	1	21	7,00	
22	235714020130067	TRƯƠNG THỊ XUÂN LINH	CQK64.71402013	1	22	8,00	

Cán bộ đọc điểm


Phan Hong Ha

Nghệ An, ngày 23 tháng 6 năm 2025
Cán bộ nhập điểm

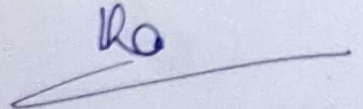

Nguyễn Thị Hương

BẢNG ĐIỂM THEO DANH SÁCH THI
EDU31001_20062025_1_2
Học kỳ 2.1 Năm học 2024-2025


Môn: Âm nhạc
Số tín chỉ: 3

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Lần học	Số báo danh	Điểm	Ghi chú
1	235714020130010	VIỆNG THỊ NHẬT LINH	CQK64.71402012	1	23	5,50	
2	235714020130061	HOÀNG THỊ KHÁNH LY	CQK64.71402013	1	24	7,00	
3	235714020130034	MAC THỊ CẨM LY	CQK64.71402012	1	25	8,00	
4	235714020130124	NGUYỄN THỊ THẢO LY	CQK64.71402014	1	26	8,00	
5	235714020130103	NGUYỄN TRÁ MY	CQK64.71402013	1	27	7,50	
6	235714020130060	NGUYỄN THỊ THẢO NA	CQK64.71402013	1	28	8,00	
7	235714020130093	NGUYỄN THỊ THU NGA	CQK64.71402013	1	29	6,50	
8	235714020130016	TRẦN THỊ HẰNG NGA	CQK64.71402012	1	30	5,50	
9	235714020130153	NGUYỄN LÊ TUYẾT NGÂN	CQK64.71402014	1	31	5,50	
10	235714020130054	LÊ THẢO NGUYỄN	CQK64.71402012	1	32	7,50	
11	235714020130129	VI THỊ TỬ NHIÊN	CQK64.71402014	1	33	7,00	
12	235714020130092	NGUYỄN THỊ ĐIỂM QUỲNH	CQK64.71402013	1	34	6,50	
13	235714020130163	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	CQK64.71402014	1	35	9,00	
14	235714020130147	THÁI THỊ THANH THẢO	CQK64.71402014	1	36	5,50	
15	235714020130136	ĐANG THỊ THÚY	CQK64.71402014	1	37	4,50	
16	235714020130044	LÊ THỊ THƯƠNG	CQK64.71402012	1	38	5,00	
17	235714020130169	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	CQK64.71402014	1	39	8,00	
18	235714020130160	TRẦN THỊ TRƯỜNG	CQK64.71402014	1	40	8,50	
19	235714020130003	NGUYỄN THỊ TỎ UYÊN	CQK64.71402012	1	41	8,50	
20	235714020130170	TRẦN THỊ VÂN	CQK64.71402014	1	42	6,50	
21	235714020130037	ĐINH NGUYỄN NGỌC VY	CQK64.71402012	1	43	7,50	

Cán bộ đọc điểm


Phan Huy Hà

Nghệ An, ngày 23 tháng 6 năm 2025
Cán bộ nhập điểm

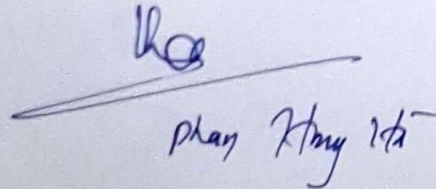

Nguyễn Thị Hương

BẢNG ĐIỂM THEO DANH SÁCH THI
EDU31001_20062025_2_1
Học kỳ 2.1 Năm học 2024-2025

Môn: Âm nhạc
Số tín chỉ: 3

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Lần học	Số báo danh	Điểm	Ghi chú
1	235714020130032	ĐÀO THỊ ANH	CQK64.71402012	1	44	6.5	
2	235714020130081	NGUYỄN THỊ LAN ANH	CQK64.71402013	1	45	8	
3	235714020130048	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	CQK64.71402012	1	46	7	
4	235714020130157	THÁI THỊ NGỌC ANH	CQK64.71402014	1	47	6	
5	235714020130007	TRẦN THỊ PHƯƠNG ANH	CQK64.71402012	1	48	5.5	
6	235714020130097	NGUYỄN THỊ HÒA BÌNH	CQK64.71402013	1	49	8	
7	235714020130090	VI THỊ HÀ CHÂU	CQK64.71402013	1	50	6.5	
8	235714020130106	LÊ THỊ KIM CHI	CQK64.71402013	1	51	8	
9	235714020130133	NGUYỄN THỊ CHUNG	CQK64.71402014	1	52	7	
10	235714020130096	ĐẶNG THỊ GIANG	CQK64.71402013	1	53	7.5	
11	235714020130041	VŨ THỊ GIANG	CQK64.71402012	1	54	8.5	
12	235714020130151	HỒ THỊ MỸ HÀ	CQK64.71402014	1	55	6.5	
13	235714020130158	LỖ THỊ NGÂN HÀ	CQK64.71402014	1	56	6	
14	235714020130031	TRƯƠNG VIỆT HẰNG	CQK64.71402012	1	57	7	
15	235714020130121	LỖ THỊ THU HIỀN	CQK64.71402014	1	58	8.5	
16	235714020130014	LÊ THỊ HOA	CQK64.71402012	1	59	7	
17	235714020130087	NGUYỄN THỊ HOA	CQK64.71402013	1	60	6	
18	235714020130112	HỒ THỊ HUYỀN	CQK64.71402013	1	61	8	
19	235714020130130	NGUYỄN THỊ KHÁNH HUYỀN	CQK64.71402014	1	62	7.5	
20	235714020130173	TRẦN THỊ THU HUYỀN	CQK64.71402014	1	63	5.5	
21	235714020130038	NGÔ THỊ HƯƠNG	CQK64.71402012	1	64	7	

Cán bộ đọc điểm


Phan Hồng Thi

Nghệ An, ngày 23 tháng 6 năm 2025
Cán bộ nhập điểm


Nguyễn Thị Hương

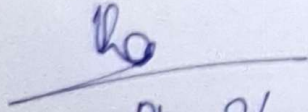
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
TT KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM THEO DANH SÁCH THI
EDU31001_20062025_2_2
Học kỳ 2.1 Năm học 2024-2025

Môn: Âm nhạc
Số tín chỉ: 3

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Lần học	Số báo danh	Điểm	Ghi chú
1	235714020130164	NGUYỄN THANH HƯƠNG	CQK64.71402014	1	65	6,00	
2	235714020130174	VI THỊ THU HƯƠNG	CQK64.71402014	1	66	8,50	
3	235714020130021	NGUYỄN THỊ LAN	CQK64.71402012	1	67	5,50	
4	235714020130047	KIM THỊ MỸ LÊ	CQK64.71402012	1	68	8,00	
5	235714020130074	TRẦN THỊ CHI LÊ	CQK64.71402013	1	69	7,00	
6	235714020130055	NGUYỄN THỊ DIỆU LINH	CQK64.71402012	1	70	6,00	
7	235714020130025	LƯƠNG THÚY MIÊN	CQK64.71402012	1	71	8,00	
8	235714020130065	NGUYỄN THỊ TRÁ MY	CQK64.71402013	1	72	6,50	
9	235714020130122	NGUYỄN THẢO NGUYỄN	CQK64.71402014	1	73	9,00	
10	235714020130115	PHÙNG THỊ ÁNH NGUYET	CQK64.71402013	1	74	8,00	
11	235714020130071	TRẦN THỊ YẾN NHI	CQK64.71402013	1	75	6,00	
12	235714020130167	LÊ THỊ MAI PHƯƠNG	CQK64.71402014	1	76	4,50	
13	235714020130013	NGUYỄN THỊ QUYẾN	CQK64.71402012	1	77	6,50	
14	235714020130105	VI THỊ NGOC QUYNH	CQK64.71402013	1	78	5,00	
15	235714020130004	PHAN THỊ PHƯƠNG THẢO	CQK64.71402012	1	79	8,50	
16	235714020130064	NGUYỄN ANH THƠ	CQK64.71402013	1	80	8,50	
17	235714020130148	LŨ THỊ KIM THỦY	CQK64.71402014	1	81	7,00	
18	235714020130080	NGÔ THỊ MỸ THƯƠNG	CQK64.71402013	1	82	8,50	
19	235714020130058	NGUYỄN THỊ HOÀI THƯƠNG	CQK64.71402012	1	83	8,00	
20	235714020130142	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	CQK64.71402014	1	84	8,00	
21	235714020130141	NGUYỄN THỊ NHƯ Ý	CQK64.71402014	1	85	6,50	

Cán bộ đọc điểm


Phan Hong Hoa

Nghệ An, ngày 23 tháng 6 năm 2025
Cán bộ nhập điểm


Nguyễn Thị Hương


TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
TT KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM THEO DANH SÁCH THI
EDU31001_20062025_3_1
Học kỳ 2.1 Năm học 2024-2025


Môn: Âm nhạc
Số tín chỉ: 3

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Lần học	Số báo danh	Điểm	Ghi chú
1	235714020130168	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	CQK64.71402014	1	86	8,50	
2	235714020130152	VƯƠNG THỊ THUY ANH	CQK64.71402014	1	87	8,50	
3	235714020130128	LỮ THỊ ÁNH BĂNG	CQK64.71402014	1	88	7,50	
4	235714020130008	ĐANG THỊ LINH CHI	CQK64.71402012	1	89	7,00	
5	235714020130026	VI THỊ DIJU	CQK64.71402012	1	90	5,00	
6	235714020130001	NGUYỄN THỊ HÁ	CQK64.71402012	1	91	7,00	
7	235714020130051	NGUYỄN HỒNG HANH	CQK64.71402012	1	92	9,00	
8	235714020130146	TRẦN THỊ HÀNG	CQK64.71402014	1	93	6,00	
9	235714020130162	NGUYỄN BẢO HÂN	CQK64.71402014	1	94	6,50	
10	235714020130042	ĐÀO THỊ MINH HUYỀN	CQK64.71402012	1	95	5,00	
11	235714020130110	NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	CQK64.71402013	1	96	7,00	
12	235714020130062	NGUYỄN THỊ LAN	CQK64.71402013	1	97	6,50	
13	235714020130102	PHẠM THỊ LÂN	CQK64.71402013	1	98	6,50	
14	235714020130035	HOÀNG THỊ THÙY LINH	CQK64.71402012	1	99	8,50	
15	235714020130017	LÊ THỊ THÙY LINH	CQK64.71402012	1	100	8,50	
16	235714020130155	TRẦN THỊ ĐIỀU LINH	CQK64.71402014	1	101	5,00	
17	235714020130126	TRẦN THỊ THẢO LINH	CQK64.71402014	1	102	6,00	
18	235714020130002	TRẦN THUY LINH	CQK64.71402012	1	103	6,50	
19	235714020130119	TRẦN THỊ LỘC	CQK64.71402014	1	104	7,50	
20	235714020130078	LÊ KHÁNH LY	CQK64.71402013	1	105	5,00	
21	235714020130091	VÔ THỊ NGOC MAI	CQK64.71402013	1	106	5,00	

Cán bộ đọc điểm


Phan Hong Ho

Nghệ An, ngày 23 tháng 6 năm 2025
Cán bộ nhập điểm


Nguyễn Thị Hương

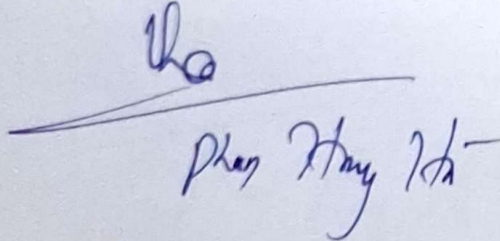
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
TT KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM THEO DANH SÁCH THI
EDU31001_20062025_3_2
Học kỳ 2.1 Năm học 2024-2025

Môn: Âm nhạc
Số tín chỉ: 3

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Lần học	Số báo danh	Điểm	Ghi chú
1	235714020130085	VÕ THỊ HỒNG MINH	CQK64.71402013	1	107	5,00	
2	235714020130134	DOÃN THỊ TRÀ MY	CQK64.71402014	1	108	5,50	
3	235714020130100	VI THỊ THẢO MY	CQK64.71402013	1	109	8,50	
4	235714020130145	TRẦN THỊ MAI NA	CQK64.71402014	1	110	7,50	
5	235714020130029	HUỶNH THỊ NGÀ	CQK64.71402012	1	111	6,50	
6	235714020130059	PHẠM THỊ NGỌC	CQK64.71402012	1	112	7,50	
7	235714020130011	LƯƠNG THỊ DƯƠNG NGUYỆT	CQK64.71402012	1	113	4,50	
8	235714020130084	CHU THỊ NHI	CQK64.71402013	1	114	5,00	
9	235714020130161	TRẦN NGUYỄN YẾN NHI	CQK64.71402014	1	115	4,50	
10	235714020130018	NGUYỄN THỊ KIỀU OANH	CQK64.71402012	1	116	8,50	
11	235714020130138	DUY NHƯ QUỲNH	CQK64.71402014	1	117	7,50	
12	235714020130068	NGUYỄN THỊ TÂM	CQK64.71402013	1	118	5,50	
13	235714020130109	HỒ THỊ THÀNH	CQK64.71402013	1	119	6,50	
14	235714020130069	HOÀNG THỊ THANH THẢO	CQK64.71402013	1	120	6,50	
15	235714020130036	LÊ THỊ PHƯƠNG THẢO	CQK64.71402012	1	121	6,50	
16	235714020130094	HỒ THỊ HOÀNG THƯƠNG	CQK64.71402013	1	122	8,00	
17	235714020130116	PHAN THỊ THƯƠNG	CQK64.71402013	1	123	8,00	
18	235714020130052	TRẦN THỊ THU TRÀ	CQK64.71402012	1	124	7,50	
19	235714020130075	CHU HÁ TRANG	CQK64.71402013	1	125	7,50	
20	235714020130045	NGUYỄN HÁ TRANG	CQK64.71402012	1	126	8,00	
21	235714020130171	HÀ NGỌC VÂN	CQK64.71402014	1	127	5,50	

Cán bộ đọc điểm


Phan Huy Hà

Nghệ An, ngày 23 tháng 6 năm 2025
Cán bộ nhập điểm

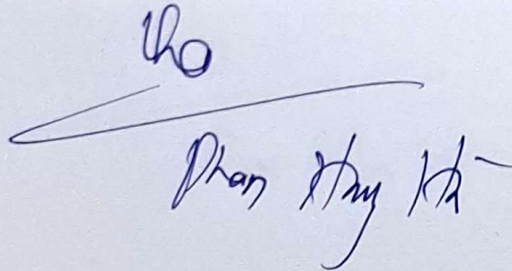

Nguyễn Thị Hương

BẢNG ĐIỂM THEO DANH SÁCH THI
EDU31001_20062025_4_1
Học kỳ 2.1 Năm học 2024-2025

Môn: Âm nhạc
Số tín chỉ: 3

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Lần học	Số báo danh	Điểm	Ghi chú
1	235714020130012	MAI THỊ NHƯ AN	CQK64.71402012	1	128	8,50	
2	235714020130114	NGUYỄN THỊ THÙY AN	CQK64.71402013	1	129	6,00	
3	235714020130073	LÊ THỊ NGỌC ANH	CQK64.71402013	1	130	6,00	
4	235714020130015	NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	CQK64.71402012	1	131	6,00	
5	235714020130079	PHÙNG THỊ VÂN ANH	CQK64.71402013	1	132	8,50	
6	235714020130006	THÁI VIỆT ANH	CQK64.71402012	1	133	6,50	
7	235714020130098	TRẦN THỊ HỒNG ANH	CQK64.71402013	1	134	7,50	
8	235714020130165	TRẦN THỊ QUỲNH ANH	CQK64.71402014	1	135	7,00	
9	235714020130159	DƯƠNG THỊ TÚ CHI	CQK64.71402014	1	136	8,00	
10	235714020130131	VI THỊ HÀ	CQK64.71402014	1	137	8,00	
11	235714020130095	PHẠM THỊ HẢI	CQK64.71402013	1	138	8,50	
12	235714020130123	NGUYỄN THỊ HOA	CQK64.71402014	1	139	8,50	
13	235714020130005	PHAN THỊ HOÀI	CQK64.71402012	1	140	6,50	
14	235714020130156	LÊ THỊ THANH HUYỀN	CQK64.71402014	1	141	5,50	
15	235714020130063	LÔ THỊ HUYỀN	CQK64.71402013	1	142	5,50	
16	235714020130040	NGUYỄN THỊ HUYỀN	CQK64.71402012	1	143	8,50	
17	235714020130113	NGUYỄN THỊ KHÁNH HUYỀN	CQK64.71402013	1	144	8,00	
18	235714020130024	LÊ THỊ THẢO LINH	CQK64.71402012	1	145	6,00	
19	235714020130022	NGÔ THỊ KHÁNH LINH	CQK64.71402012	1	146	8,50	
20	235714020130143	NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH	CQK64.71402014	1	147	8,50	
21	235714020130066	LƯƠNG THỊ CẨM LY	CQK64.71402013	1	148	7,50	

Cán bộ đọc điểm


Phan Huy Kha

Nghệ An, ngày 23 tháng 6 năm 2025
Cán bộ nhập điểm


Nguyễn Thị Hương

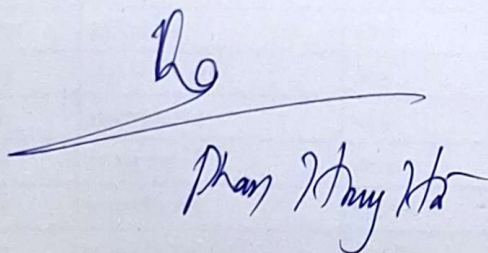
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
TT KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM THEO DANH SÁCH THI
EDU31001_20062025_4_2
Học kỳ 2.1 Năm học 2024-2025

Môn: Âm nhạc
Số tín chỉ: 3

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Lần học	Số báo danh	Điểm	Ghi chú
1	235714020130049	NGUYỄN THỊ LÊ NA	CQK64.71402012	1	149	9,00	
2	235714020130166	VI THỊ LÊ NA	CQK64.71402014	1	150	7,50	
3	215714020110076	NGUYỄN THỊ HIẾU NGÂN	CQK62.71402015	1	151	8,50	
4	235714020130120	NGUYỄN BẢO NGỌC	CQK64.71402014	1	152	8,50	
5	235714020130057	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	CQK64.71402012	1	153	7,00	
6	235714020130150	ĐÀO THỊ KIM OANH	CQK64.71402014	1	154	6,00	
7	235714020130140	LÊ THỊ NGỌC OANH	CQK64.71402014	1	155	6,50	
8	235714020130039	LÊ THỊ ANH PHƯƠNG	CQK64.71402012	1	156	7,00	
9	235714020130088	LỖ Y SẦU	CQK64.71402013	1	157	6,00	
10	235714020130046	NGUYỄN THỊ THANH TÂM	CQK64.71402012	1	158	6,00	
11	235714020130149	PHẠM THỊ PHƯƠNG THẢO	CQK64.71402014	1	159	5,00	
12	235714020130107	NGUYỄN THỊ THẨM	CQK64.71402013	1	160	5,00	
13	235714020130175	NGUYỄN THỊ THỊNH	CQK64.71402014	1	161	7,50	
14	235714020130172	LÊ THỊ NGỌC THÚY	CQK64.71402014	1	162	VT	
15	235714020130056	NGUYỄN THỊ THÚY	CQK64.71402012	1	163	8,50	
16	235714020130132	VŨ MAI THÙY	CQK64.71402014	1	164	5,00	
17	235714020130033	TRINH THỊ THƯƠNG	CQK64.71402012	1	165	9,00	
18	235714020130089	DÊNH THÙY TRANG	CQK64.71402013	1	166	6,00	
19	235714020130030	ĐÀU THỊ QUỲNH TRANG	CQK64.71402012	1	167	7,00	
20	235714020130082	TRƯƠNG THỊ TÚ UYÊN	CQK64.71402013	1	168	7,50	
21	235714020130072	NGÔ THỊ THẢO VÂN	CQK64.71402013	1	169	8,00	

Cán bộ đọc điểm


Phan Huy Kha

Nghệ An, ngày 23 tháng 6 năm 2025
Cán bộ nhập điểm


Nguyễn Thị Hương

BẢNG ĐIỂM

Âm nhạc(224.1)_LT_01

Học kỳ: 1_2024-2025. Giảng viên: Phan Huy Hà, Phan Huy Hà

TT	Mã học viên	Họ	Tên	Điểm Quá trình	Ghi chú
1	235714020130012	MAI THỊ NHƯ	AN	7.3	
2	235714020130032	ĐÀO THỊ	ÁNH	7.4	
3	235714020130073	LÊ THỊ NGỌC	ÁNH	5.6	
4	235714020130081	NGUYỄN THỊ LAN	ANH	8.8	
5	235714020130048	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	ANH	7.6	
6	235714020130015	NGUYỄN THỊ QUỲNH	ANH	6.1	
7	235714020130157	THÁI THỊ NGỌC	ANH	5.2	
8	235714020130006	THÁI VIỆT	ANH	5.9	
9	235714020130098	TRẦN THỊ HỒNG	ÁNH	7.1	
10	235714020130019	VI NGỌC	ÁNH	6.8	
11	235714020130090	VI THỊ HÀ	CHÁU	7.5	
12	235714020130106	LÊ THỊ KIM	CHI	7.4	
13	235714020130111	HOÀNG LÊ PHƯƠNG	DUNG	5.8	
14	235714020130151	HỒ THỊ MỸ	HÀ	6.6	
15	235714020130146	TRẦN THỊ	HẰNG	7.3	
16	235714020130050	LÊ THỊ THU	HIỀN	7.2	
17	235714020130043	HOÀNG THỊ THU	HÒA	6.4	
18	235714020130087	NGUYỄN THỊ	HOA	6.2	
19	235714020130005	PHAN THỊ	HOÀI	8.0	
20	235714020130040	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	7.2	
21	235714020130110	NGUYỄN THỊ THU	HUYỀN	5.3	
22	235714020130144	PHẠM THỊ KHÁNH	HUYỀN	8.0	
23	235714020130038	NGÔ THỊ	HƯƠNG	7.8	
24	235714020130164	NGUYỄN THANH	HƯƠNG	6.1	
25	235714020130174	VI THỊ THU	HƯƠNG	8.5	
26	235714020130035	HOÀNG THỊ THÙY	LINH	8.8	
27	235714020130017	LÊ THỊ THÚY	LINH	9.3	
28	235714020130118	QUANG THỊ DIỆU	LINH	6.3	
29	235714020130126	TRẦN THỊ THẢO	LINH	6.4	
30	235714020130002	TRẦN THUY	LINH	6.5	
31	235714020130061	HOÀNG THỊ KHÁNH	LY	7.8	
32	235714020130091	VÔ THỊ NGỌC	MAI	6.2	
33	235714020130025	LƯƠNG THÚY	MIỀN	7.2	

BẢNG ĐIỂM

Âm nhạc(224.1)_LT_01

Học kỳ: 1_2024-2025. Giảng viên: Phan Huy Hà, Phan Huy Hà

TT	Mã học viên	Họ	Tên	Điểm Quá trình	Ghi chú
1	235714020130012	MAI THỊ NHƯ	AN	7.3	
2	235714020130032	ĐÀO THỊ	ÁNH	7.4	
3	235714020130073	LÊ THỊ NGỌC	ÁNH	5.6	
4	235714020130081	NGUYỄN THỊ LAN	ANH	8.8	
5	235714020130048	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	ANH	7.6	
6	235714020130015	NGUYỄN THỊ QUỲNH	ANH	6.1	
7	235714020130157	THÁI THỊ NGỌC	ANH	5.2	
8	235714020130006	THÁI VIỆT	ANH	5.9	
9	235714020130098	TRẦN THỊ HỒNG	ÁNH	7.1	
10	235714020130019	VI NGỌC	ÁNH	6.8	
11	235714020130090	VI THỊ HÀ	CHÂU	7.5	
12	235714020130106	LÊ THỊ KIM	CHI	7.4	
13	235714020130111	HOÀNG LÊ PHƯƠNG	DUNG	5.8	
14	235714020130151	HỒ THỊ MỸ	HÀ	6.6	
15	235714020130146	TRẦN THỊ	HÀNG	7.3	
16	235714020130050	LÊ THỊ THU	HIỀN	7.2	
17	235714020130043	HOÀNG THỊ THU	HÒA	6.4	
18	235714020130087	NGUYỄN THỊ	HOA	6.2	
19	235714020130005	PHAN THỊ	HOÀI	8.0	
20	235714020130040	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	7.2	
21	235714020130110	NGUYỄN THỊ THU	HUYỀN	5.3	
22	235714020130144	PHẠM THỊ KHÁNH	HUYỀN	8.0	
23	235714020130038	NGÔ THỊ	HƯƠNG	7.8	
24	235714020130164	NGUYỄN THANH	HƯƠNG	6.1	
25	235714020130174	VI THỊ THU	HƯƠNG	8.5	
26	235714020130035	HOÀNG THỊ THÙY	LINH	8.8	
27	235714020130017	LÊ THỊ THÙY	LINH	9.3	
28	235714020130118	QUANG THỊ DIÊU	LINH	6.3	
29	235714020130126	TRẦN THỊ THẢO	LINH	6.4	
30	235714020130002	TRẦN THUY	LINH	6.5	
31	235714020130061	HOÀNG THỊ KHÁNH	LY	7.8	
32	235714020130091	VÔ THỊ NGỌC	MAI	6.2	
33	235714020130025	LƯƠNG THÚY	MIỀN	7.2	

BẢNG ĐIỂM

Âm nhạc(224.1)_LT_01

Học kỳ: 1_2024-2025. Giảng viên: Phan Huy Hà, Phan Huy Hà

TT	Mã học viên	Họ	Tên	Điểm Quá trình	Ghi chú
1	235714020130012	MAI THỊ NHƯ	AN	7.3	
2	235714020130032	ĐÀO THỊ	ÁNH	7.4	
3	235714020130073	LÊ THỊ NGỌC	ÁNH	5.6	
4	235714020130081	NGUYỄN THỊ LAN	ANH	8.8	
5	235714020130048	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	ANH	7.6	
6	235714020130015	NGUYỄN THỊ QUỲNH	ANH	6.1	
7	235714020130157	THÁI THỊ NGỌC	ANH	5.2	
8	235714020130006	THÁI VIỆT	ANH	5.9	
9	235714020130098	TRẦN THỊ HỒNG	ÁNH	7.1	
10	235714020130019	VI NGỌC	ÁNH	6.8	
11	235714020130090	VI THỊ HÀ	CHÂU	7.5	
12	235714020130106	LÊ THỊ KIM	CHI	7.4	
13	235714020130111	HOÀNG LÊ PHƯƠNG	DUNG	5.8	
14	235714020130151	HỒ THỊ MỸ	HÀ	6.6	
15	235714020130146	TRẦN THỊ	HẰNG	7.3	
16	235714020130050	LÊ THỊ THU	HIỀN	7.2	
17	235714020130043	HOÀNG THỊ THU	HÒA	6.4	
18	235714020130087	NGUYỄN THỊ	HOA	6.2	
19	235714020130005	PHAN THỊ	HOÀI	8.0	
20	235714020130040	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	7.2	
21	235714020130110	NGUYỄN THỊ THU	HUYỀN	5.3	
22	235714020130144	PHẠM THỊ KHÁNH	HUYỀN	8.0	
23	235714020130038	NGÔ THỊ	HƯƠNG	7.8	
24	235714020130164	NGUYỄN THANH	HƯƠNG	6.1	
25	235714020130174	VI THỊ THU	HƯƠNG	8.5	
26	235714020130035	HOÀNG THỊ THÙY	LINH	8.8	
27	235714020130017	LÊ THỊ THÙY	LINH	9.3	
28	235714020130118	QUANG THỊ DIỆU	LINH	6.3	
29	235714020130126	TRẦN THỊ THẢO	LINH	6.4	
30	235714020130002	TRẦN THUY	LINH	6.5	
31	235714020130061	HOÀNG THỊ KHÁNH	LY	7.8	
32	235714020130091	VÔ THỊ NGỌC	MAI	6.2	
33	235714020130025	LƯƠNG THÚY	MIỀN	7.2	

BẢNG ĐIỂM

Âm nhạc(224.1)_LT_01

Học kỳ: 1_2024-2025. Giảng viên: Phan Huy Hà, Phan Huy Hà

TT	Mã học viên	Họ	Tên	Điểm Quá trình	Ghi chú
1	235714020130012	MAI THỊ NHƯ	AN	7.3	
2	235714020130032	ĐÀO THỊ	ÁNH	7.4	
3	235714020130073	LÊ THỊ NGỌC	ÁNH	5.6	
4	235714020130081	NGUYỄN THỊ LAN	ANH	8.8	
5	235714020130048	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	ANH	7.6	
6	235714020130015	NGUYỄN THỊ QUỲNH	ANH	6.1	
7	235714020130157	THÁI THỊ NGỌC	ANH	5.2	
8	235714020130006	THÁI VIỆT	ANH	5.9	
9	235714020130098	TRẦN THỊ HỒNG	ÁNH	7.1	
10	235714020130019	VI NGỌC	ÁNH	6.8	
11	235714020130090	VI THỊ HÀ	CHÂU	7.5	
12	235714020130106	LÊ THỊ KIM	CHI	7.4	
13	235714020130111	HOÀNG LÊ PHƯƠNG	DUNG	5.8	
14	235714020130151	HỒ THỊ MỸ	HÀ	6.6	
15	235714020130146	TRẦN THỊ	HẰNG	7.3	
16	235714020130050	LÊ THỊ THU	HIỀN	7.2	
17	235714020130043	HOÀNG THỊ THU	HÒA	6.4	
18	235714020130087	NGUYỄN THỊ	HOA	6.2	
19	235714020130005	PHAN THỊ	HOÀI	8.0	
20	235714020130040	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	7.2	
21	235714020130110	NGUYỄN THỊ THU	HUYỀN	5.3	
22	235714020130144	PHẠM THỊ KHÁNH	HUYỀN	8.0	
23	235714020130038	NGÔ THỊ	HƯƠNG	7.8	
24	235714020130164	NGUYỄN THANH	HƯƠNG	6.1	
25	235714020130174	VI THỊ THU	HƯƠNG	8.5	
26	235714020130035	HOÀNG THỊ THÙY	LINH	8.8	
27	235714020130017	LÊ THỊ THÙY	LINH	9.3	
28	235714020130118	QUANG THỊ DIỆU	LINH	6.3	
29	235714020130126	TRẦN THỊ THẢO	LINH	6.4	
30	235714020130002	TRẦN THUY	LINH	6.5	
31	235714020130061	HOÀNG THỊ KHÁNH	LY	7.8	
32	235714020130091	VÔ THỊ NGỌC	MAI	6.2	
33	235714020130025	LƯƠNG THÚY	MIỀN	7.2	

TT	Mã học viên	Họ	Tên	Điểm Quá trình	Ghi chú
34	235714020130085	VÔ THỊ HỒNG	MINH	6.7	
35	235714020130134	DOÃN THỊ TRÀ	MY	6.7	
36	235714020130103	NGUYỄN TRÀ	MY	5.8	
37	235714020130029	HUỶNH THỊ	NGA	6.8	
38	235714020130093	NGUYỄN THỊ THU	NGA	6.9	
39	235714020130016	TRẦN THỊ HÀNG	NGA	6.0	
40	235714020130153	NGUYỄN LÊ TUYẾT	NGÂN	7.7	
41	215714020110076	NGUYỄN THỊ HIẾU	NGÂN	7.5	
42	235714020130120	NGUYỄN BẢO	NGỌC	8.1	
43	235714020130059	PHAM THỊ	NGỌC	7.3	
44	235714020130122	NGUYỄN THẢO	NGUYỄN	7.1	
45	235714020130115	PHÙNG THỊ ÁNH	NGUYỆT	8.1	
46	235714020130071	TRẦN THỊ YẾN	NHI	6.8	
47	235714020130150	ĐÀO THỊ KIM	OANH	7.8	
48	235714020130018	NGUYỄN THỊ KIỀU	OANH	7.8	
49	235714020130039	LÊ THỊ ANH	PHƯƠNG	7.6	
50	235714020130167	LÊ THỊ MAI	PHƯƠNG	5.7	
51	235714020130138	DUY NHƯ	QUỲNH	7.9	
52	235714020130163	NGUYỄN THỊ NHƯ	QUỲNH	8.2	
53	235714020130068	NGUYỄN THỊ	TÂM	6.8	
54	235714020130046	NGUYỄN THỊ THANH	TÂM	7.1	
55	235714020130109	HỒ THỊ	THÀNH	6.7	
56	235714020130069	HOÀNG THỊ THANH	THẢO	7.1	
57	235714020130147	THÁI THỊ THANH	THẢO	6.9	
58	235714020130107	NGUYỄN THỊ	THẨM	7.5	
59	235714020130064	NGUYỄN ANH	THƠ	7.2	
60	235714020130056	NGUYỄN THỊ	THÚY	6.2	
61	235714020130044	LÊ THỊ	THƯƠNG	6.8	
62	235714020130080	NGÔ THỊ MỸ	THƯƠNG	8.4	
63	235714020130058	NGUYỄN THỊ HOÀI	THƯƠNG	7.6	
64	235714020130033	TRINH THỊ	THƯƠNG	7.6	
65	235714020130089	DÈNH THÙY	TRANG	7.1	
66	235714020130045	NGUYỄN HÀ	TRANG	7.4	
67	235714020130169	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRANG	8.4	
68	235714020130160	TRẦN THỊ	TRƯỜNG	8.2	
69	235714020130072	NGÔ THỊ THẢO	VÂN	7.5	
70	235714020130037	ĐINH NGUYỄN NGỌC	VY	7.1	

Nghệ An, ngày 01 tháng 07 năm 2025

GV.

Ro

Phan Thị H.

BẢNG ĐIỂM

Âm nhạc(224.1)_LT_02

Học kỳ: 1_2024-2025. Giảng viên: Phan Huy Hà, Phan Huy Hà

TT	Mã học viên	Họ	Tên	Điểm Quá trình	Ghi chú
1	235714020130137	PHAN THỊ NGỌC	ANH	7.6	
2	235714020130079	PHÙNG THỊ VÂN	ANH	6.5	
3	235714020130007	TRẦN THỊ PHƯƠNG	ANH	6.0	
4	235714020130152	VƯƠNG THỊ THUY	ANH	8.0	
5	235714020130128	LỮ THỊ ÁNH	BÀNG	7.4	
6	235714020130097	NGUYỄN THỊ HÒA	BÌNH	8.2	
7	235714020130159	DƯƠNG THỊ TÚ	CHI	7.4	
8	235714020130133	NGUYỄN THỊ	CHUNG	6.6	
9	235714020130108	LÊ THỊ	ĐÀO	7.3	
10	235714020130096	ĐẶNG THỊ	GIANG	6.6	
11	235714020130027	HỒ THỊ TRÀ	GIANG	6.6	
12	235714020130158	LÔ THỊ NGÂN	HÀ	7.2	
13	235714020130001	NGUYỄN THỊ	HÀ	7.9	
14	235714020130131	VI THỊ	HÀ	5.8	
15	235714020130095	PHẠM THỊ	HÀI	6.9	
16	235714020130083	NGUYỄN THỊ MỸ	HANH	7.0	
17	235714020130154	HỒ THỊ	HẰNG	6.4	
18	215714020110204	PHẠM THU	HẰNG	5.8	
19	235714020130162	NGUYỄN BẢO	HÂN	7.3	
20	235714020130121	LÔ THỊ THU	HIỀN	7.5	
21	235714020130014	LÊ THỊ	HOA	7.8	
22	235714020130123	NGUYỄN THỊ	HOA	8.1	
23	235714020130028	TRẦN THỊ THU	HOÀI	7.1	
24	235714020130117	HÀ THỊ	HOAN	7.3	
25	235714020130042	ĐÀO THỊ MINH	HUYỀN	7.6	
26	235714020130130	NGUYỄN THỊ KHÁNH	HUYỀN	7.3	
27	235714020130113	NGUYỄN THỊ KHÁNH	HUYỀN	5.6	
28	235714020130102	PHẠM THỊ	LÂN	7.2	
29	235714020130047	KIM THỊ MỸ	LÊ	7.0	
30	235714020130074	TRẦN THỊ CHI	LÊ	7.0	
31	235714020130024	LÊ THỊ THẢO	LINH	7.3	
32	235714020130022	NGÔ THỊ KHÁNH	LINH	6.9	
33	235714020130143	NGUYỄN THỊ KHÁNH	LINH	6.7	

TT	Mã học viên	Họ	Tên	Điểm Quá trình	Ghi chú
34	235714020130155	TRẦN THỊ DIỆU	LINH	6.5	
35	235714020130067	TRƯƠNG THỊ XUÂN MAI	LINH	7.4	
36	235714020130010	VIỀNG THỊ NHẬT	LINH	6.8	
37	235714020130066	LƯƠNG THỊ CẨM	LY	7.2	
38	235714020130034	MAC THỊ CẨM	LY	7.8	
39	235714020130124	NGUYỄN THỊ THẢO	LY	7.7	
40	235714020130065	NGUYỄN THỊ TRÀ	MY	7.4	
41	235714020130100	VI THỊ THẢO	MY	8.4	
42	235714020130049	NGUYỄN THỊ LÊ	NA	8.0	
43	235714020130060	NGUYỄN THỊ THẢO	NA	7.1	
44	235714020130145	TRẦN THỊ MAI	NA	6.4	
45	235714020130129	VI THỊ TÚ	NHIÊN	7.4	
46	235714020130140	LÊ THỊ NGỌC	OANH	6.6	
47	235714020130013	NGUYỄN THỊ	QUYÊN	7.4	
48	235714020130092	NGUYỄN THỊ DIỄM	QUỲNH	6.2	
49	235714020130094	HỒ THỊ HOÀNG	THƯƠNG	7.9	
50	235714020130116	PHAN THỊ	THƯƠNG	8.0	
51	235714020130052	TRẦN THỊ THU	TRÀ	7.6	
52	235714020130075	CHU HÀ	TRANG	7.0	
53	235714020130030	ĐÀU THỊ QUỲNH	TRANG	7.7	
54	235714020130142	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRANG	8.6	
55	235714020130003	NGUYỄN THỊ TỐ	UYÊN	7.5	
56	235714020130082	TRƯƠNG THỊ TÚ	UYÊN	7.8	
57	235714020130171	HÀ NGỌC	VÂN	7.7	
58	235714020130141	NGUYỄN THỊ NHƯ	Ý	6.9	

Nghệ An, ngày 01 tháng 07 năm 2025

Trưởng bộ môn

Giảng viên

Phan Huy Th

BẢNG ĐIỂM MÔN ÂM NHẠC

Họ và tên giảng viên: Võ Trọng Vinh

Mã lớp: Âm nhạc(224.1)_LT_03

Địa điểm đào tạo: ĐHV

Môn học: Âm nhạc

Khóa học: 64 Ngành học: GDMN

Chuyên ngành:

TT	Mã học viên	Họ	Tên	Lần học	Điểm Quá trình	Ghi chú
1	23571402013011	NGUYỄN THỊ THÚY	AN		7.3	
2	24571402013018	Nguyễn Thị Hồng	Anh		8.6	
3	23571402013016	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	ANH		7.2	
4	23571402013000	ỐC THỊ TÂM	ANH		6.1	
5	23571402013016	TRẦN THỊ QUỲNH	ANH		4.5	
6	23571402013000	ĐẶNG THỊ LINH	CHI		7.4	
7	23571402013002	VI THỊ	DIU		6.3	
8	23571402013004	VŨ THỊ	GIANG		7.1	
9	23571402013005	NGUYỄN HỒNG	HẠNH		8.3	
10	23571402013007	HOÀNG THỊ	HẰNG		7.6	
11	23571402013003	TRƯƠNG VIỆT	HẰNG		6.7	
12	23571402013009	VI THỊ HẢO	HIÊN		6.2	
13	23571402013011	HỒ THỊ	HUYỀN		7.4	
14	23571402013015	LÊ THỊ THANH	HUYỀN		7.4	
15	23571402013006	LÔ THỊ	HUYỀN		6.7	
16	23571402013017	TRẦN THỊ THU	HUYỀN		6.0	
17	23571402013007	HOA THỊ	KHUYÊN		7.0	
18	23571402013006	NGUYỄN THỊ	LAN		7.4	
19	23571402013002	NGUYỄN THỊ	LAN		7.0	
20	23571402013005	NGUYỄN THỊ DIỆU	LINH		7.4	
21	23571402013007	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH		7.7	
22	23571402013008	SÂM THỊ DIỆU	LINH		6.1	
23	23571402013011	TRẦN THỊ	LỘC		6.6	
24	23571402013007	LÊ KHÁNH	LY		5.5	
25	23571402013016	VI THỊ LÊ	NA		5.6	
26	23571402013005	LÊ THẢO	NGUYỄN		5.9	
27	23571402013001	LƯƠNG THỊ DƯƠNG	NGUYẾT		6.4	
28	23571402013008	CHU THỊ	NHI		7.3	
29	23571402013016	TRẦN NGUYỄN YẾN	NHI		7.0	
30	23571402013005	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG		6.6	
31	23571402013010	VI THỊ NGỌC	QUỲNH		7.3	

TT	Mã học viên	Họ	Tên	Lần học	Điểm Quá trình	Ghi chú
32	235714020130088	LÝ Y	SÁU		5.9	
33	23571402013003	LÊ THỊ PHƯƠNG	THẢO		6.7	
34	23571402013014	PHẠM THỊ PHƯƠNG	THẢO		6.1	
35	23571402013000	PHAN THỊ PHƯƠNG	THẢO		6.6	
36	23571402013017	NGUYỄN THỊ	THỊNH		7.7	
37	23571402013013	ĐẶNG THỊ	THÚY		7.5	
38	23571402013017	LÊ THỊ NGỌC	THÚY		-	
39	23571402013014	LŨ THỊ KIM	THÚY		6.6	
40	23571402013013	VŨ MAI	THÚY		6.6	
41	23571402013017	TRẦN THỊ	VÂN		7.1	

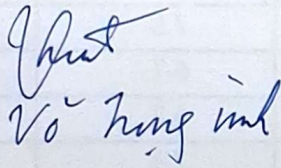
* Điểm tiểu luận, vấn đáp hoặc thi thực hành (không áp dụng cho thi tự luận)

** Nếu chỉ có điểm điều kiện, giảng viên chỉ cần ký I chứ ký vào mục GIÁNG VIÊN

Tổng số học viên có điểm điều kiện..... Tổng số học viên có điểm kết thúc môn học.....

Nghệ An, ngày 05 tháng 06 năm 2025

GIẢNG VIÊN(**)
(Ký và ghi rõ họ tên)


Võ Hưng Minh

CÁN BỘ CHẤM THI 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

CÁN BỘ CHẤM THI 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN - LỚP ÂM NHẠC(224.1)_LT_01

Học kỳ 2.1 Năm học 2024-2025

Môn Âm nhạc (EDU31001)

Công thức điểm: QT*0.5 + CK*0.5

Số tín chỉ: 3

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	QT	CK	TKHP	Chữ	Hệ 4	Ghi chú
1	235714020130012	MAI THỊ NHƯ AN	7,3	8,5	7,9	B	3	
2	235714020130157	THÁI THỊ NGỌC ANH	5,2	6	5,6	C	2	
3	235714020130015	NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	6,1	6	6,1	C	2	
4	235714020130006	THÁI VIỆT ANH	5,9	6,5	6,2	C	2	
5	235714020130048	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	7,6	7	7,3	B	3	
6	235714020130081	NGUYỄN THỊ LAN ANH	8,8	8	8,4	B+	3,5	
7	235714020130019	VI NGỌC ANH	6,8	7,5	7,2	B	3	
8	235714020130098	TRẦN THỊ HỒNG ANH	7,1	7,5	7,3	B	3	
9	235714020130032	ĐÀO THỊ ANH	7,4	6,5	7	B	3	
10	235714020130073	LÊ THỊ NGỌC ANH	5,6	6	5,8	C	2	
11	235714020130090	VI THỊ HÀ CHÁU	7,5	6,5	7	B	3	
12	235714020130106	LÊ THỊ KIM CHI	7,4	8	7,7	B	3	
13	235714020130111	HOÀNG LÊ PHƯƠNG DUNG	5,8	5	5,4	D+	1,5	
14	235714020130151	HỒ THỊ MỸ HÀ	6,6	6,5	6,6	C+	2,5	
15	235714020130146	TRẦN THỊ HANG	7,3	6	6,7	C+	2,5	
16	235714020130050	LÊ THỊ THU HIỀN	7,2	5,5	6,4	C	2	
17	235714020130087	NGUYỄN THỊ HOA	6,2	6	6,1	C	2	
18	235714020130043	HOÀNG THỊ THU HÒA	6,4	5	5,7	C	2	
19	235714020130005	PHAN THỊ HOÀI	8	6,5	7,3	B	3	
20	235714020130144	PHAM THỊ KHÁNH HUYỀN	8	8,5	8,3	B+	3,5	
21	235714020130040	NGUYỄN THỊ HUYỀN	7,2	8,5	7,9	B	3	
22	235714020130110	NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	5,3	7	6,2	C	2	
23	235714020130164	NGUYỄN THANH HƯƠNG	6,1	6	6,1	C	2	
24	235714020130174	VI THỊ THU HƯƠNG	8,5	8,5	8,5	A	4	
25	235714020130038	NGÔ THỊ HƯƠNG	7,8	7	7,4	B	3	
26	235714020130126	TRẦN THỊ THẢO LINH	6,4	6	6,2	C	2	
27	235714020130002	TRẦN THUY LINH	6,5	6,5	6,5	C+	2,5	
28	235714020130118	QUANG THỊ DIỆU LINH	6,3	5,5	5,9	C	2	
29	235714020130017	LÊ THỊ THÙY LINH	9,3	8,5	8,9	A	4	
30	235714020130035	HOÀNG THỊ THÙY LINH	8,8	8,5	8,7	A	4	
31	235714020130061	HOÀNG THỊ KHÁNH LY	7,8	7	7,4	B	3	
32	235714020130091	VÕ THỊ NGỌC MAI	6,2	5	5,6	C	2	
33	235714020130025	LƯƠNG THÚY MIÊN	7,2	8	7,6	B	3	
34	235714020130085	VÕ THỊ HỒNG MINH	6,7	5	5,9	C	2	
35	235714020130103	NGUYỄN TRẦN MY	5,8	7,5	6,7	C+	2,5	
36	235714020130134	ĐOÀN THỊ TRẦN MY	6,7	5,5	6,1	C	2	
37	235714020130029	HUYỀN THỊ NGA	6,8	6,5	6,7	C+	2,5	
38	235714020130093	NGUYỄN THỊ THU NGA	6,9	6,5	6,7	C+	2,5	
39	235714020130016	TRẦN THỊ HANG NGA	6	5,5	5,8	C	2	
40	235714020130153	NGUYỄN LÊ TUYẾT NGÂN	7,7	5,5	6,6	C+	2,5	
41	215714020110076	NGUYỄN THỊ HIỆU NGÂN	7,5	8,5	8	B+	3,5	
42	235714020130120	NGUYỄN BẢO NGỌC	8,1	8,5	8,3	B+	3,5	
43	235714020130059	PHAM THỊ NGỌC	7,3	7,5	7,4	B	3	
44	235714020130122	NGUYỄN THẢO NGUYỄN	7,1	9	8,1	B+	3,5	
45	235714020130115	PHÙNG THỊ ÁNH NGUYỄN	8,1	8	8,1	B+	3,5	
46	235714020130071	TRẦN THỊ YẾN NHI	6,8	6	6,4	C	2	
47	235714020130018	NGUYỄN THỊ KIỀU OANH	7,8	8,5	8,2	B+	3,5	
48	235714020130150	ĐÀO THỊ KIM OANH	7,8	6	6,9	C+	2,5	
49	235714020130167	LÊ THỊ MAI PHƯƠNG	5,7	4,5	5,1	D+	1,5	
50	235714020130039	LÊ THỊ ANH PHƯƠNG	7,6	7	7,3	B	3	
51	235714020130138	DUY NHƯ QUỲNH	7,9	7,5	7,7	B	3	
52	235714020130163	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	8,2	9	8,6	A	4	
53	235714020130046	NGUYỄN THỊ THANH TÂM	7,1	6	6,6	C+	2,5	
54	235714020130068	NGUYỄN THỊ TÂM	6,8	5,5	6,2	C	2	
55	235714020130109	HỒ THỊ THÀNH	6,7	6,5	6,6	C+	2,5	
56	235714020130069	HOÀNG THỊ THANH THẢO	7,1	6,5	6,8	C+	2,5	

57	235714020130147	THÁI THỊ THANH	THẢO	6,9	5,5	6,2	C	2	
58	235714020130107	NGUYỄN THỊ	THÂM	7,5	5	6,3	C	2	
59	235714020130064	NGUYỄN ANH	THƠ	7,2	8,5	7,9	B	3	
60	235714020130056	NGUYỄN THỊ	THÚY	6,2	8,5	7,4	B	3	
61	235714020130033	TRINH THỊ	THƯƠNG	7,6	9	8,3	B+	3,5	
62	235714020130058	NGUYỄN THỊ HOÀI	THƯƠNG	7,6	8	7,8	B	3	
63	235714020130044	LÊ THỊ	THƯƠNG	6,8	5	5,9	C	2	
64	235714020130080	NGÔ THỊ MỸ	THƯƠNG	8,4	8,5	8,5	A	4	
65	235714020130169	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRANG	8,4	8	8,2	B+	3,5	
66	235714020130045	NGUYỄN HÀ	TRANG	7,4	8	7,7	B	3	
67	235714020130089	ĐINH THUY	TRANG	7,1	6	6,6	C+	2,5	
68	235714020130160	TRẦN THỊ	TRƯỜNG	8,2	8,5	8,4	B+	3,5	
69	235714020130072	NGÔ THỊ THẢO	VÂN	7,5	8	7,8	B	3	
70	235714020130037	ĐINH NGUYỄN NGỌC VY		7,1	7,5	7,3	B	3	

BẢNG THÔNG KÊ KẾT QUẢ THI

Điểm chữ	Điểm số	Số sinh viên	Tỷ lệ %
A	8,50--10,00	5	7,14
B+	8,00--8,49	10	14,29
B	7,00--7,99	21	30
C+	6,50--6,99	12	17,14
C	5,50--6,49	20	28,57
D+	5,00--5,49	2	2,86
D	4,00--4,99	0	0
F	0,00--3,99	0	0

Nghệ An, ngày 23 tháng 6 năm 2025

Người nhập điểm


Nguyễn Chi Hương

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN - LỚP ÂM NHẠC(224.1)_LT_02

Học kỳ 2.1 Năm học 2024-2025

Môn Âm nhạc (EDU31001)

Công thức điểm: QT*0.5 + CK*0.5

Số tín chỉ 3

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	QT	CK	TKHP	Chữ	Hệ 4	Ghi chú
1	235714020130007	TRẦN THỊ PHƯƠNG ANH	6	5,5	5,8	C	2	
2	235714020130152	VƯƠNG THỊ THUYẾT ANH	8	8,5	8,3	B+	3,5	
3	235714020130137	PHAN THỊ NGỌC ANH	7,6	8,5	8,1	B+	3,5	
4	235714020130079	PHÙNG THỊ VÂN ANH	6,5	8,5	7,5	B	3	
5	235714020130128	LỮ THỊ ANH BĂNG	7,4	7,5	7,5	B	3	
6	235714020130097	NGUYỄN THỊ HÒA BÌNH	8,2	8	8,1	B+	3,5	
7	235714020130159	DƯƠNG THỊ TÚ CHI	7,4	8	7,7	B	3	
8	235714020130133	NGUYỄN THỊ CHUNG	6,6	7	6,8	C+	2,5	
9	235714020130108	LÊ THỊ ĐÀO	7,3	8,5	7,9	B	3	
10	235714020130027	HỒ THỊ TRÀ GIANG	6,6	8	7,3	B	3	
11	235714020130096	ĐANG THỊ GIANG	6,6	7,5	7,1	B	3	
12	235714020130131	VI THỊ HÀ	5,8	8	6,9	C+	2,5	
13	235714020130158	LÔ THỊ NGÂN HÀ	7,2	6	6,6	C+	2,5	
14	235714020130001	NGUYỄN THỊ HÀ	7,9	7	7,5	B	3	
15	235714020130095	PHẠM THỊ HẢI	6,9	8,5	7,7	B	3	
16	235714020130083	NGUYỄN THỊ MỸ HANH	7	8,5	7,8	B	3	
17	215714020110204	PHẠM THU HẰNG	5,8	5,5	5,7	C	2	
18	235714020130154	HỒ THỊ HẰNG	6,4	7,5	7	B	3	
19	235714020130162	NGUYỄN BẢO HÂN	7,3	6,5	6,9	C+	2,5	
20	235714020130121	LÔ THỊ THU HIỀN	7,5	8,5	8	B+	3,5	
21	235714020130014	LÊ THỊ HOA	7,8	7	7,4	B	3	
22	235714020130123	NGUYỄN THỊ HOA	8,1	8,5	8,3	B+	3,5	
23	235714020130028	TRẦN THỊ THU HOÀI	7,1	7,5	7,3	B	3	
24	235714020130117	HÀ THỊ HOAN	7,3	7	7,2	B	3	
25	235714020130113	NGUYỄN THỊ KHÁNH HUYỀN	5,6	8	6,8	C+	2,5	
26	235714020130130	NGUYỄN THỊ KHÁNH HUYỀN	7,3	7,5	7,4	B	3	
27	235714020130042	ĐÀO THỊ MINH HUYỀN	7,6	5	6,3	C	2	
28	235714020130102	PHẠM THỊ LÂN	7,2	6,5	6,9	C+	2,5	
29	235714020130074	TRẦN THỊ CHI LÊ	7	7	7	B	3	
30	235714020130047	KIM THỊ MỸ LỆ	7	8	7,5	B	3	
31	235714020130010	VIỆNG THỊ NHẬT LINH	6,8	5,5	6,2	C	2	
32	235714020130024	LÊ THỊ THẢO LINH	ĐC	6	0	F	0	
33	235714020130067	TRƯƠNG THỊ XUÂN LINH	7,4	8	7,7	B	3	
34	235714020130143	NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH	6,7	8,5	7,6	B	3	
35	235714020130155	TRẦN THỊ DIỆU LINH	6,5	5	5,8	C	2	
36	235714020130022	NGÔ THỊ KHÁNH LINH	6,9	8,5	7,7	B	3	
37	235714020130066	LƯƠNG THỊ CẨM LY	7,2	7,5	7,4	B	3	
38	235714020130124	NGUYỄN THỊ THẢO LY	7,7	8	7,9	B	3	
39	235714020130034	MAC THỊ CẨM LY	7,8	8	7,9	B	3	
40	235714020130065	NGUYỄN THỊ TRÁ MY	7,4	6,5	7	B	3	
41	235714020130100	VI THỊ THẢO MY	8,4	8,5	8,5	A	4	
42	235714020130145	TRẦN THỊ MAI NA	6,4	7,5	7	B	3	
43	235714020130049	NGUYỄN THỊ LÊ NA	8	9	8,5	A	4	
44	235714020130060	NGUYỄN THỊ THẢO NA	7,1	8	7,6	B	3	
45	235714020130129	VI THỊ TÚ NHIÊN	7,4	7	7,2	B	3	
46	235714020130140	LÊ THỊ NGỌC OANH	6,6	6,5	6,6	C+	2,5	
47	235714020130013	NGUYỄN THỊ QUYÊN	7,4	6,5	7	B	3	
48	235714020130092	NGUYỄN THỊ DIỄM QUỲNH	6,2	6,5	6,4	C	2	
49	235714020130094	HỒ THỊ HOÀNG THƯƠNG	7,9	8	8	B+	3,5	
50	235714020130116	PHAN THỊ THƯƠNG	8	8	8	B+	3,5	
51	235714020130052	TRẦN THỊ THU TRÁ	7,6	7,5	7,6	B	3	
52	235714020130142	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	8,6	8	8,3	B+	3,5	
53	235714020130030	ĐÀU THỊ QUỲNH TRANG	7,7	7	7,4	B	3	
54	235714020130075	CHU HÀ TRANG	7	7,5	7,3	B	3	
55	235714020130003	NGUYỄN THỊ TÔ UYÊN	7,5	8,5	8	B+	3,5	
56	235714020130082	TRƯƠNG THỊ TÚ UYÊN	7,8	7,5	7,7	B	3	

57	235714020130171	HÀ NGỌC	VÂN	7,7	5,5	6,6	C+	2,5	
58	235714020130141	NGUYỄN THỊ NHƯ	Ỡ	6,9	6,5	6,7	C+	2,5	

BẢNG THÔNG KÊ KẾT QUẢ THI

Điểm chữ	Điểm số	Số sinh viên	Tỷ lệ %
A	8,50--10,00	2	3,45
B+	8,00--8,49	9	15,52
B	7,00--7,99	31	53,45
C+	6,50--6,99	9	15,52
C	5,50--6,49	6	10,34
D+	5,00--5,49	0	0
D	4,00--4,99	0	0
F	0,00--3,99	1	1,72

Nghệ An, ngày 23 tháng 6 năm 2025

Người nhập điểm


Nguyễn Thị Hương

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN - LỚP ÂM NHẠC(224.1)_LT_03

Học kỳ 2.1 Năm học 2024-2025

Môn Âm nhạc (EDU31001)

Công thức điểm: QT*0.5 + CK*0.5

Số tín chỉ: 3

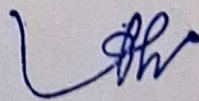
STT	Mã sinh viên	Họ và tên	QT	CK	TKHP	Chữ	Hệ 4	Ghi chú
1	235714020130114	NGUYỄN THỊ THÚY AN	7,3	6	6,7	C+	2,5	
2	235714020130165	TRẦN THỊ QUỲNH ANH	4,5	7	5,8	C	2	
3	235714020130168	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	7,2	8,5	7,9	B	3	
4	245714020130182	NGUYỄN THỊ HỒNG ANH	8,6	8	8,3	B+	3,5	
5	235714020130009	ÔC THỊ TÂM ANH	6,1	7,5	6,8	C+	2,5	
6	235714020130008	ĐANG THỊ LINH CHI	7,4	7	7,2	B	3	
7	235714020130026	VI THỊ DIJU	6,3	5	5,7	C	2	
8	235714020130041	VŨ THỊ GIANG	7,1	8,5	7,8	B	3	
9	235714020130051	NGUYỄN HỒNG HẠNH	8,3	9	8,7	A	4	
10	235714020130077	HOÀNG THỊ HẰNG	7,6	7	7,3	B	3	
11	235714020130031	TRƯƠNG VIỆT HẰNG	6,7	7	6,9	C+	2,5	
12	235714020130099	VI THỊ HẢO HIỀN	6,2	5	5,6	C	2	
13	235714020130173	TRẦN THỊ THU HUYỀN	6	5,5	5,8	C	2	
14	235714020130112	HỒ THỊ HUYỀN	7,4	8	7,7	B	3	
15	235714020130156	LÊ THỊ THANH HUYỀN	6,2	5,5	5,9	C	2	
16	235714020130063	LÔ THỊ HUYỀN	6,7	5,5	6,1	C	2	
17	235714020130076	HOA THỊ KHUYỀN	7	5,5	6,3	C	2	
18	235714020130062	NGUYỄN THỊ LAN	7,4	6,5	7	B	3	
19	235714020130021	NGUYỄN THỊ LAN	7	5,5	6,3	C	2	
20	235714020130070	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	7,7	5	6,4	C	2	
21	235714020130086	SÂM THỊ DIỆU LINH	6,1	7	6,6	C+	2,5	
22	235714020130055	NGUYỄN THỊ DIỆU LINH	7,4	6	6,7	C+	2,5	
23	235714020130119	TRẦN THỊ LỘC	6,6	7,5	7,1	B	3	
24	235714020130078	LÊ KHÁNH LY	5,5	5	5,3	D+	1,5	
25	235714020130166	VI THỊ LÊ NA	5,6	7,5	6,6	C+	2,5	
26	235714020130054	LÊ THẢO NGUYỄN	5,9	7,5	6,7	C+	2,5	
27	235714020130011	LƯƠNG THỊ DƯƠNG NGUYỆT	6,4	4,5	5,5	C	2	
28	235714020130161	TRẦN NGUYỄN YẾN NHI	7	4,5	5,8	C	2	
29	235714020130084	CHU THỊ NHI	7,3	5	6,2	C	2	
30	235714020130057	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	6,6	7	6,8	C+	2,5	
31	235714020130105	VI THỊ NGỌC QUỲNH	7,3	5	6,2	C	2	
32	235714020130088	LỖ Y SÀU	5,9	6	6	C	2	
33	235714020130149	PHẠM THỊ PHƯƠNG THẢO	6,1	5	5,6	C	2	
34	235714020130036	LÊ THỊ PHƯƠNG THẢO	6,7	6,5	6,6	C+	2,5	
35	235714020130004	PHAN THỊ PHƯƠNG THẢO	6,6	8,5	7,6	B	3	
36	235714020130175	NGUYỄN THỊ THỊNH	7,7	7,5	7,6	B	3	
37	235714020130148	LỮ THỊ KIM THỦY	6,6	7	6,8	C+	2,5	
38	235714020130132	VŨ MAI THỦY	6,6	5	5,8	C	2	
39	235714020130136	ĐANG THỊ THỦY	7,5	4,5	6	C	2	
40	235714020130172	LÊ THỊ NGỌC THỦY	0	VT	0	F	0	
41	235714020130170	TRẦN THỊ VÂN	7,1	6,5	6,8	C+	2,5	

BẢNG THÔNG KÊ KẾT QUẢ THI

Điểm chữ	Điểm số	Số sinh viên	Tỷ lệ %
A	8,50--10,00	1	2,44
B+	8,00--8,49	1	2,44
B	7,00--7,99	9	21,95
C+	6,50--6,99	11	26,83
C	5,50--6,49	17	41,46
D+	5,00--5,49	1	2,44
D	4,00--4,99	0	0
F	0,00--3,99	1	2,44

Nghệ An, ngày 23 tháng 6 năm 2025

Người nhập điểm


Nguyễn Thị Hương